

Số: 207#/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 12 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí áp nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Bến Tre  
giai đoạn 2021-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 năm 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 224/TTr-VPĐP ngày 13 tháng 7 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí áp nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025.

1. Bộ tiêu chí là căn cứ để chỉ đạo, điều hành thực hiện xây dựng nông thôn mới và là cơ sở để kiểm tra, đánh giá, công nhận áp đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Bộ tiêu chí này áp dụng đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao và các ấp đã được công nhận đạt chuẩn áp nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

**Điều 2.** Giao Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí, nếu có vấn đề mới phát sinh, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm phù hợp với quy định của Trung ương và điều kiện phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Giao các sở, ngành tỉnh căn cứ chức năng quản lý nhà nước, phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu được phân công chủ trì hướng dẫn thuộc các Bộ tiêu chí kèm theo Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Điều phối CTXD NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng: KT, TCĐT, TH;
- Lưu: VT, NXV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Tam**



**Phụ lục I**  
**BỘ TIÊU CHÍ ẤP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TỈNH BẾN TRE GIAI**  
**ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Áp đạt chuẩn ấp nông thôn mới kiểu mẫu phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện sau:

1. Đối với các ấp đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2019 - 2020, phải tập trung rà soát, nâng chất đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025 trước khi đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Có ít nhất một mô hình sản xuất kiểu mẫu đạt đầy đủ theo yêu cầu của Bộ tiêu chí Mô hình sản xuất kiểu mẫu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 – 2025 (Phụ lục II kèm theo).

3. Không còn hộ nghèo đa chiều (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo).

4. Đạt chuẩn một trong các lĩnh vực như sau:

STT	Tên lĩnh vực	Nội dung lĩnh vực	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
1	Tổ chức sản xuất	1.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		1.2. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 30\%$	
		1.3. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	
		1.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc ít nhất 01 sản phẩm chủ lực của ấp	Đạt	
		1.5. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của ấp được cấp mã vùng	Đạt	
		1.6. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)	Đạt	

2	Giáo dục	2.1. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.2. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	Mức độ 3	
		2.3. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	
		2.4. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	
		2.5. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 35\%$	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
3	Y tế	3.1. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Sở Y tế (Cơ quan phối hợp: Bảo hiểm xã hội tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông)
		3.2. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 50\%$	
		3.3. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	
		3.4. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	$\geq 98\%$	
4	Văn hóa	4.1. Có mô hình văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 80% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn áp tham gia	Đạt	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
		4.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn "Gia đình văn hóa"	$\geq 95\%$	
		4.3. Hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	100%	
		4.4. Người dân ứng xử văn minh lịch sự; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	Đạt	
		4.5. Trong áp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ Văn hóa - Văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	
		4.6. Áp có Nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng; có hệ thống âm thanh và trang thiết bị đảm bảo sinh hoạt	Đạt	

		văn hóa, văn nghệ; có sân sạch sẽ, cao ráo, khô thoáng, không đọng nước vào mùa mưa; có nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn		
		4.7. Có lắp đặt ít nhất 03 loại dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng (VD: Xà đơn, xà kép, máy tập lưng bụng, máy xoay eo, máy đi bộ trên không, máy xoay vai, máy đạp xe...)	Đạt	
		4.8. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đạt chỉ tiêu theo quy định và đảm bảo 80% người dân được nâng cao mức hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.	Đạt	
5	Thông tin và Truyền thông	5.1. Áp có hệ thống loa phát thanh để tất cả các hộ gia đình trong ấp có thể nghe được các bản tin, thông báo hàng ngày	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		5.2. Tỷ lệ hộ gia đình có thiết bị thông minh	$\geq 90\%$	
		5.3. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	
		5.4. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	
		5.5. Các pano, băng ron, khẩu hiệu tuyên truyền tại trụ sở ấp, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm công cộng trên địa bàn ấp được điện tử hóa, điều khiển thông minh	Đạt	
6	Môi trường	6.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Y tế;

			Sở Công Thương)
		6.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 60\%$ Sở Tài nguyên và Môi trường
		6.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 95\%$ Sở Tài nguyên và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$ Sở Tài nguyên và Môi trường
		6.5. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100% Sở Tài nguyên và Môi trường
		6.6. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 90\%$ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường)
		6.7. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường	100% Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường)
		6.8. Có thành lập Tổ bảo vệ môi trường, tổ hoạt động thường xuyên và hiệu quả; có quy ước bảo vệ môi trường được triển khai đến người dân	Đạt Sở Tài nguyên và Môi trường
		6.9. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 35\%$ Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Chất lượng môi trường	7.1. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được tập huấn về an toàn thực phẩm theo quy định	100% Sở Y tế; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

	sống và an toàn thực phẩm	7.2. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của ấp	Không	Sở Y tế (cơ quan phối hợp: Sở Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
		7.3. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh)
		7.4. Người dân biết và tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương	$\geq 70\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Tiếp cận pháp luật	8.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	$\geq 1$	Sở Tư pháp
		8.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	Sở Tư pháp
		8.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	Sở Tư pháp
9	Quốc phòng và An ninh	9.1. Xây dựng lực lượng dân quân "Vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
		9.2. Tình hình tội phạm, tai, tệ nạn xã hội được kiểm chế, kéo giảm; không phát sinh thêm người mắc tệ nạn xã hội; không xảy ra tội phạm từ nghiêm trọng trở lên.	Đạt	Công an tỉnh



**Phụ lục II**  
**BỘ TIÊU CHÍ MÔ HÌNH SẢN XUẤT KIỂU MẪU TỈNH BẾN TRE**  
**GIẢI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
1	Quy trình kỹ thuật hoặc sơ đồ tổ chức sản xuất nông nghiệp	Có thuyết minh quy trình sản xuất hoặc sơ đồ thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp của nông hộ, Tổ hợp tác, Hợp tác xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	Có hệ thống tưới, tiêu khoa học và có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến khác vào 01 trong các khâu: sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến; có ao trữ nước ngọt phục vụ sản xuất	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Định hướng sản xuất và chất lượng sản phẩm từ mô hình sản xuất kiểu mẫu	3.1. Sản phẩm, hàng hóa được đầu tư theo quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tập trung vào những giống cây, con, sản phẩm chủ lực, thể mạnh, mang lại hiệu quả kinh tế cao; sản xuất theo hướng sạch, an toàn gắn với Chương trình OCOP	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Sản phẩm, hàng hóa làm ra phải đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt	
		3.3. Giá trị sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh chiếm ít nhất 50% tổng giá trị sản phẩm từ mô hình	Đạt	Cục Thống kê tỉnh (Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



4	Môi trường - Cảnh quan	4.1. Mô hình sản xuất phải đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường (gồm hồ sơ môi trường theo quy định và xử lý chất thải phát sinh, không gây ô nhiễm môi trường)	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
		4.2. Sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, sử dụng năng lượng thân thiện môi trường; chất thải trong quá trình sản xuất cần được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	Đạt	
5	Thu nhập	Tổng thu nhập tối thiểu của mô hình sản xuất kiểu mẫu trong một năm (bao gồm tất cả các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...)	- Đối với mô hình có diện tích $\leq 1.000m^2$ : $\geq 60$ triệu đồng/ $1.000m^2$	Cục Thống kê tỉnh
			- Đối với mô hình có diện tích trên $1.000m^2$ đến $2.000m^2$ : $\geq 50$ triệu đồng/ $1.000m^2$	
			- Đối với mô hình có diện tích trên $2.000m^2$ đến $3.000m^2$ : $\geq 40$ triệu đồng/ $1.000m^2$	
			- Đối với mô hình có diện tích trên $3.000m^2$ : $\geq 30$ triệu đồng/ $1.000m^2$	